



Số. 77/2015/BCKTHN-HCM.08043.01

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại May Sài Gòn và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên báo cáo tài chính của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 03 năm 2014.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
2111-2013-009-1

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán
1180-2014-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01a-DN/HH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.851.487.842	473.641.577.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	39.968.106.554	52.374.491.958
Tiền	111		38.968.106.554	52.374.491.958
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		182.948.407.098	165.030.757.499
Phải thu khách hàng	131	4.2	164.531.345.349	143.372.114.856
Trả trước cho người bán	132	4.3	13.265.779.345	18.610.312.225
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	5.151.282.404	3.048.330.418
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.5	187.398.302.850	240.776.845.919
Hàng tồn kho	141		187.398.302.850	240.776.845.919
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	4.6	15.536.671.340	15.459.481.921
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	38.400.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.954.698.180	13.887.086.422
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		202.625.179	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		379.347.981	1.533.995.499

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01a-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.218.045.578	184.135.660.110
Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	25.728.361
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		160.918.378.043	135.971.161.424
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	148.960.722.129	122.011.200.583
Nguyên giá	222		262.086.492.962	219.192.189.652
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.125.770.833)	(97.180.989.069)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	89.490.914	125.654.546
Nguyên giá	228		173.320.965	173.320.965
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.830.051)	(47.666.419)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	11.868.165.000	13.834.306.295
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.968.865.400	17.814.505.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.10	4.341.000.000	4.341.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.11	17.314.330.000	17.289.920.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.11	(3.686.464.600)	(3.816.415.000)
Tài sản dài hạn khác	260		32.305.073.774	30.324.265.325
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	31.597.788.181	29.983.884.520
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		402.973.593	35.044.805
Tài sản dài hạn khác	268	4.13	304.312.000	305.336.000
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		637.069.533.420	657.777.237.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01a-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		389.932.430.540	421.982.763.463
Nợ ngắn hạn	310		389.346.525.740	421.982.763.463
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.14	197.977.070.660	214.002.154.665
Phải trả cho người bán	312	4.15	71.315.087.172	91.909.608.062
Người mua trả tiền trước	313	4.16	536.543.688	5.960.310.374
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.17	5.559.424.290	11.863.119.135
Phải trả công nhân viên	315	4.18	94.421.270.541	83.106.997.102
Chi phí phải trả	316	4.19	3.736.577.828	4.868.667.823
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.20	263.467.312	700.867.358
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.21	15.537.084.249	9.571.038.944
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		585.904.800	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	585.904.800	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227.492.690.288	212.561.487.683
Vốn chủ sở hữu	410	4.23	227.492.690.288	212.561.487.683
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116.903.300.000	106.324.310.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.138.322.370	9.178.322.370
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(863.138.686)	(863.138.686)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		78.827.213	(8.058.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		49.070.226.933	41.286.294.154
Quỹ dự phòng tài chính	418		10.632.431.000	8.868.571.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		42.532.721.458	47.775.186.845
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.24	19.644.412.592	23.232.986.261
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		637.069.533.420	657.777.237.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01a-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài	-	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.791.165.064	826.637.808
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		8.250.977.000	9.901.754.000
Nợ khó đòi đã xử lý			-
Ngoại tệ các loại - USD	4.1	1.705.176,16	2.151.140,25
- EUR	4.1	3.415,53	3.426,45
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.409.984.011.385	1.229.202.727.908
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		505.431.352	723.257.271
Doanh thu thuần	10	5.1	1.409.478.580.033	1.228.479.470.637
Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.201.404.440.645	1.062.371.948.608
Lợi nhuận gộp	20		208.074.139.388	166.107.522.029
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	13.728.526.797	16.049.327.930
Chi phí tài chính	22	5.4	10.981.671.401	13.418.629.972
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.277.265.591</i>	<i>6.651.214.019</i>
Chi phí bán hàng	24	5.5	21.509.592.579	18.633.069.776
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	115.432.422.301	90.818.140.095
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		73.878.979.904	59.287.010.116
Thu nhập khác	31	5.7	458.472.689	5.799.467.667
Chi phí khác	32		11.213.107	15.416.664
Lợi nhuận khác	40		447.259.582	5.784.051.003
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.326.239.486	65.071.061.119
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	17.786.178.530	15.807.562.206
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(367.928.788)	(35.044.805)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.907.989.744	49.298.543.718
<i>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61	4.24	<i>(3.588.573.669)</i>	<i>(7.732.973.739)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	62		<i>60.496.563.413</i>	<i>57.031.517.457</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	5.435	6.124

TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN AN
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	74.326.239.486	65.071.061.119
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.646.754.935	14.972.144.612
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(129.950.400)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	123.356.599	144.727.594
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(840.636.823)	(2.453.435.654)
Chi phí lãi vay	06	5.277.265.591	6.651.214.019
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	95.403.029.388	84.385.711.690
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(27.960.794.361)	(50.119.833.614)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	53.378.543.069	(68.561.770.714)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(15.796.868.047)	79.923.857.925
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.575.503.661)	(13.542.650.490)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.277.265.591)	(6.651.214.019)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.399.332.960)	(8.597.094.704)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	833.247.500	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(11.658.935.116)	(12.503.329.345)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.946.120.221	4.333.676.729
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.067.012.436)	(57.288.941.439)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	178.727.273	1.834.981.818
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	637.499.550	633.870.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.250.785.613)	(54.820.089.121)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	21.061.270.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	725.149.568.777	754.518.700.828
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(741.204.772.980)	(678.723.524.910)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.027.265.600)	(24.684.899.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.082.469.803)	72.171.546.418

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(12.387.135.195)	21.685.134.026
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	52.374.491.958	30.672.923.993
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.250.209)	16.433.939
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	39.968.106.554	52.374.491.958

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 3.286.822.900 đồng (2013: 3.746.411.126 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm 2014, Công ty Mẹ đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 10.578.990.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



TRẦN THỊ THU TRÂM
Người lập biểu

NGUYỄN MINH HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015